

Nhon Trach, ngày 31... tháng 7... năm 2026.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi và ảnh hưởng hành lang đường điện thuộc dự án Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhon Trach 5, Long Thành – Hyosung.

Hôm nay, vào lúc 14... giờ 00... phút, cùng ngày.

Tại: UBND phường Nhon Trach, thành phố Đồng Nai.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|------------------------------|---|
| 1. Ông: Đào Minh Tâm | Chức vụ: PCT. UBND phường Nhon Trach. |
| 2. Ông: Nguyễn Huy Sang | Chức vụ: Phó CT UBMTTQ phường Nhon Trach. |
| 3. Ông: Nguyễn Phú Thọ | Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế |
| 4. Ông: Lưu Văn Toàn | Chức vụ: CV TTPTQĐ – CN Nhon Trach. |
| 5. Ông: Nguyễn Thị Hồng Thắm | Chức vụ: Trưởng Khu phố Phú Hội |
| 6. Ông: | Chức vụ: |

Nội dung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số



254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh - Chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các Ban ngành, đoàn thể và UBND phường tiến hành niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân thuộc dự án trên bảng thông tin của UBND phường Nhơn Trạch và bảng thông tin sinh hoạt chung tại Nhà văn hóa ấp với sự chứng kiến của Ban ngành đoàn thể, UBND phường và ban ấp nơi có đất thu hồi.

Đồng thời, UBND phường đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp phường trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

(Đính kèm phương án bồi thường và các biểu mẫu).

Biên bản kết thúc vào lúc 15 giờ 30 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên nghe, biên bản được lập thành 04 bản.

TM. UBM TTQ VN PHƯỜNG

**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**

Nguyễn Huy Sang

Trần Văn Toàn

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG

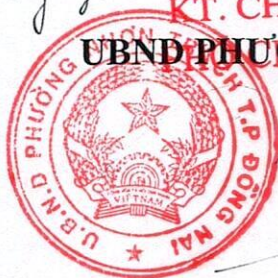
KHU PHỐ

Nguyễn Thu' Tho

Nguyễn Thị Hồng Liên

KT. CHỦ TỊCH

UBND PHƯỜNG NHƠN TRẠCH



Đào Minh Tâm

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

V/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung tại phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư.

(Phương án niêm yết lấy ý kiến)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 của Quốc hội ngày 30/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất.

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2).

Căn cứ Nghị Quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Đồng Nai thông qua danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất các dự án điện năm 2025 trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án XDM đoạn đường dây 110kV bốn mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung;

Căn cứ Văn bản số 2180/UBND-KTN ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành về việc thỏa thuận hướng tuyến công trình xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-PCĐN ngày 25/6/2024 của Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình “XDM đoạn đường dây 110kV bốn mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung;

Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ.

1/ Tổng quan Dự án:

+ Tổng diện tích thu hồi và ảnh hưởng: 7.367,2m² (trong đó: thu hồi móng trụ là: 768m² và diện tích bị ảnh hưởng hành lang đường điện là: 6.599,2m²).

+ Tổng số hộ dân và tổ chức: 08 trường hợp (trong đó: 07 hộ đất cá nhân, hộ gia đình và 01 đất công).

2/ Diện tích, số hộ trong phương án:

Tổng diện tích thu hồi móng trụ và ảnh hưởng hành lang là 7.367,2m² (trong đó: thu hồi móng trụ là: 768m² và diện tích bị ảnh hưởng hành lang đường điện là: 6.599,2m²).

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 768m² gồm:

- Đất Nông nghiệp: 672m², trong đó:
 - + Đất trồng cây lâu năm: 672m²
- Đất phi nông nghiệp: 96m², trong đó:
 - + Đất giao thông: 96m².

b. Tổng diện tích đất ảnh hưởng hành lang: 6.599,2m² gồm:

- Đất nông nghiệp: 4.200,5m²; trong đó:

- + Đất trồng cây lâu năm: 4.200,5m²
- Đất phi nông nghiệp: 2.398,7m²
- + Đất công trình năng lượng: 2.398,7m²

Tổng số 08 trường hợp: Trong đó 03 trường hợp có đất bị thu hồi móng trụ và ảnh hưởng hành lang đường điện và 05 trường hợp ảnh hưởng hành lang đường điện.

III. CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Nghị Quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

2/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4/ Phương án bố trí tái định cư:

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024.
- Kết quả xét tái định cư: Tổng số hộ trong phương án 08 trường hợp. Trong đó 08 trường hợp trường hợp không đủ điều kiện bố trí tái định cư (*Kèm theo danh sách*).

5/ Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi:

Dự án Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung tại phường Nhơn Trạch không có trường hợp phải di dời mồ mả.

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

Dự án Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung tại phường Nhơn Trạch không có hộ phải di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi.

IV/ GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

a. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:	2,071,157,364 đồng
<i>Trong đó:</i>	
- Bồi thường đất:	1,990,320,634 đồng
- Bồi thường về cây trồng:	32,836,730 đồng
- Hỗ trợ các chế độ chính sách:	0 đồng
- Thưởng di dời:	48,000,000 đồng
b. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (a) x 3,5%), trong đó:	72,490,508 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của TTPTQĐ (b) x 85%):	61,616,932 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND xã (b) x 15%):	10,873,576 đồng
c. Tổng giá trị bồi thường (a) + (b):	2,143,647,872 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, tám trăm bảy mươi hai đồng).

(Đính kèm mẫu biểu 6, 7, 9 và danh sách tái định cư)

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành – Nhơn Trạch 5, Long Thành – Hyosung tại phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai do Công ty Điện lực Đồng Nai làm chủ đầu tư./-

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành - Nhơn Trạch 5, Long Thành - Hyosung
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch (Phú Hội cũ)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m²)						Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thưởng đi đời	Tổng cộng	
				Tổng số	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp									DT đất chưa sử dụng
					Tổng	Đất giao thông	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm							
1	001	Phạm Thị Thanh Quý	26B Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	388,6				388,6	388,6		1.130,9	756.556.524	6.768.464	20.000.000	783.324.988	
2	002	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	100 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	178,5				178,5	178,5		723,5	480.749.530	15.959.176	16.000.000	512.708.706	
3	003	Trương Nguyễn Trung Thành	293/45, P. Hòa Bình, Tp. Biên Hòa (nay là P. Trăn Biên), tỉnh Đồng Nai	104,9				104,9	104,9		244,2	185.150.500	4.551.051	12.000.000	201.701.551	
4	004	Trần Ngọc Nhớ	Kp. Phước Hiệp, P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai								940,1	103.733.000	4.081.175		107.814.175	
5	005	Lê Hoàng Dũng	xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long)								4,8	3.133.160			3.133.160	
6	006	Hồ Sau Nhìn	519-521-523A Lạc Long Quân, P. 10, Q. Tân Bình (nay là P. Bảy Hiền), Tp. HCM								191,2	98.567.520	353.832		98.921.352	
7	007	UBND phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	96	96	96					2.398,7				0	
8	008	Phạm Minh Hòa	30 Trần Văn Sắc, , Tháo Điền, Tp Thủ Đức								965,8	362.430.400	1.123.032		363.553.432	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:				768	96	96	0	672	672	0	6.599,2	1.990.320.634	32.836.730	0	48.000.000	2.071.157.364
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																2.071.157.364
Trong đó:																72.490.508
- Kinh phí thực hiện bồi thường của TTPTQĐ (85%)																61.616.931,579
- Kinh phí thực hiện bồi thường của UBND xã (15%)																10.873.576,421
Tổng cộng (1+2):																2.143.647.872

Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, tám trăm bảy mươi hai đồng

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT

Dự án: Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành - Nhơn Trạch 5, Long Thành - Hyosung
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch (Phủ Hội cũ)

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)		Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý	Ghi chú
					Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp		Đất trồng cây lâu năm	Đất giao thông			
1	001	Phạm Thị Thanh Quý	26B Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	38 128	10.091	388,6	388,6				173,4	641,1			Vị trí 1 - PV1; Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)	730.000		756.556.524	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp GCNQSDĐ số CT 644797, cấp ngày 18/11/2019	
2	002	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	100 Nguyễn Trãi, P. Bến	38 590	4.495	178,5	178,5				215,2	489,8			Vị trí 1 - PV1; Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ đường	730.000		480.749.530	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hồ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú
						Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp			Hồ trợ về đất	Bồi thường về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ² , loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TB SDB, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	
		Thành, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM														Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)				Nai cấp GCNQSDĐ số DH 382472, cấp ngày 11/10/2022		
3	003	Trương Nguyễn Hòa (nay là P. Trần Biên), tỉnh Đồng Nai	38	499	804	104,9		104,9			104,9	104,9			500.000	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Tôn Đức Thắng đoạn từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang (3m<=hẻm<5m, khoảng cách <500m)			185.150.500	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp GCNQSDĐ số CM 271110, cấp ngày 31/01/2018		
4	004	Trần Ngọc Nhỏ	Kp. Phước Hiệp, P. Nhơn Trách, Tp. Đồng Nai	38	490	5.275	0				940,1	940,1				Vị trí 1 - P.V1; Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)	730.000		103.733.000	Được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp GCNQSDĐ số CI 529022, cấp		

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)				Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)				Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
					Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Tổng	DT đất nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Tổng	Đất giao thông	Đất trồng cây lâu năm	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp	Đất trồng cây lâu năm		Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất		Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ² , loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TĐ SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
5	005 Hoàng Dũng	Lê	38 467	656	0																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

[illegible]

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số thửa	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)			Diện tích đất bị ảnh hưởng hành lang (m ²)			Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hồ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Ghi chú		
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	Hỗ trợ về đất	Hỗ trợ về đất			Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDB, số tờ, số thửa, diện tích m ² , loại đất, ngày tháng cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDB với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDB (NG, TP SDB, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)						
		Điện, Tp Thủ Đức													Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)					cấp ngày 30/09/1999 tương ứng tờ bản đồ số 15 thửa 55				
			38 D9		1.282,2	0								271,2	122	122	Vị trí 1 - PVI; Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)	730.000			Được cấp giấy GCNQSD đất số O 904840 cấp ngày 30/09/1999 tương ứng tờ bản đồ số 15 thửa 55			
			38 150		1.309	0									565,4	565,4	Vị trí 1 - PVI; Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang)	730.000			Được cấp giấy GCNQSD đất số O 904840 cấp ngày 30/09/1999 tương ứng tờ bản đồ số 15 thửa 55			
Tổng cộng					36.182,9	768	96	672	0	96	96	672	672	2.825,2	2.398,7	4.600,9	4.200,5	0			1.990.320.634			

Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi triệu, ba trăm hai mươi ngàn, sáu trăm ba mươi bốn đồng

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
Dự án: Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đấu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành - Nhơn Trạch 5, Long Thành - Hyosung
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch (Phù Hội cũ)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
					Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
1	001	Phạm Thị Thanh Quý	26B Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	0	3,85											20.000.000	20.000.000
2	002	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	100 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	0	3,97											16.000.000	16.000.000
3	003	Trương Nguyễn Trung Thành	293/45, P. Hòa Bình, Tp. Biên Hòa (nay là P. Trần Biên), tỉnh Đồng Nai	0	13,04											12.000.000	12.000.000
4	004	Trần Ngọc Nhớ	Kp. Phước Hiệp, P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai	0	0												
5	005	Lê Hoàng Dũng	xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long)	0	0												
6	006	Hồ Sau Nhìn	519-521-523A Lạc Long Quân, P. 10, Q. Tân Bình (nay là P. Bảy Hiền), Tp. HCM	0	0												
7	007	UBND phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	0													
8	008	Phạm Minh Hòa	30 Trần Văn Sắc, , Tháo Điện, Tp Thủ Đức	0													
		Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000

Bảng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Xây dựng mới đoạn đường dây 110kV bốn mạch đầu chuyển tiếp trên đường dây Long Thành - Nhơn Trạch 5, Long Thành - Hyosung
Địa chỉ: Phường Nhơn Trạch (Phủ Hội cũ)

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTQĐ ngàythángnămcủa Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/CCCD: ngày cấp:/..../..... Điện thoại:/..../.....	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
1	001	Phạm Thị Thanh Quý	26B Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	CMND/CCCD: 020022032 ngày cấp:/..../..... Điện thoại:/..../.....	38/128		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 181/GXN ngày 31/12/2025 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
2	002	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	100 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành, Q. 01 (nay là P. Bến Thành), Tp. HCM	CMND/CCCD: 042149010125 ngày cấp:/..../..... Điện thoại: 0943393139	38/590		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 18/GXN ngày 15/01/2026 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
3	003	Trương Nguyễn Trung Thành	293/45, P. Hòa Bình, Tp. Biên Hòa (nay là P. Trăn Biên), tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 271290887 ngày cấp:/..../..... Điện thoại:/..../.....	38/499		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 180/GXN ngày 31/12/2025 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
4	004	Trần Ngọc Nhớ	Kp. Phước Hiệp, P. Nhơn Trạch, Tp. Đồng Nai	CMND/CCCD: 046078002702 ngày cấp: 09/3/2022 Điện thoại: 0913673965	38/490		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 182/GXN ngày 31/12/2025 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
5	005	Lê Hoàng Dũng	xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long)	CMND/CCCD: 083080008718 ngày cấp: 04/9/2022 Điện thoại: 0913122156	38/467		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 19/GXN ngày 15/01/2026 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
6	006	Hồ Sau Nhìn	519-521-523A Lạc Long Quân, P. 10, Q. Tân Bình (nay là P. Bảy Hiền), Tp. HCM	CMND/CCCD: 079164006666 ngày cấp: 26/3/2024 Điện thoại: 0918222867	38/129		X	Tại mục 5 - Giấy XNNQĐ số 179/GXN ngày 31/12/2025 của UBND xã Nhơn Trạch: không thu hồi đất ở, không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở	
7	007	UBND phường Nhơn Trạch	Phường Nhơn Trạch	CMND/CCCD: ngày cấp:/..../..... Điện thoại:/..../.....	38/588 38/D9 38/149 38/...		X	Đất giao thông	
8	008	Phạm Minh Hòa	30 Trần Văn Sắc, , Tháo Điền, Tp Thủ Đức	CMND/CCCD: ngày cấp:/..../..... Điện thoại:/..../.....	38/149 38/D9 38/150				Chưa xét tái định cư
*			TỔNG CỘNG			0	7		